

NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, NĂNG LỰC CẢM QUYỀN CỦA ĐẢNG TRONG ĐIỀU KIỆN MỚI

PGS, TS Lâm Quốc Tuấn

Về kiến thức: Học viên nắm được những kiến thức cơ bản về năng lực lãnh đạo, năng lực cảm quyền của Đảng; thực trạng xây dựng chính đồn Đảng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cảm quyền của Đảng; bối cảnh và điều kiện mới đặt ra đối với việc nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cảm quyền của Đảng; và giải pháp xây dựng, chính đồn Đảng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cảm quyền của Đảng hiện nay.

Về kỹ năng: Học viên biết vận dụng tri thức để tham mưu, đề xuất và xây dựng chương trình, kế hoạch trong xây dựng, chính đồn Đảng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cảm quyền của Đảng trong điều kiện mới.

Về thái độ: Có thái độ đúng và đề cao trách nhiệm của bản thân trong việc thực hiện đồng bộ các giải pháp trong xây dựng, chính đồn Đảng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cảm quyền của Đảng.

NỘI DUNG

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra tầm nhìn phát triển của Việt Nam đến năm 2045. Bên cạnh đó, bối cảnh trong nước và quốc tế cũng đang đặt ra yêu cầu cao hơn đối với việc nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cảm quyền của Đảng. Chính vì vậy, để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đề ra, qua

đó tạo cơ sở để thực hiện thành công tầm nhìn phát triển đất nước trong những giai đoạn tiếp theo, cần đặc biệt coi trọng việc nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng hiện nay.

1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, NĂNG LỰC CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM CẦM QUYỀN

1.1. Lãnh đạo và năng lực lãnh đạo của Đảng

1.1.1. Định nghĩa về lãnh đạo

Đến nay, giới nghiên cứu đã đưa ra nhiều quan niệm khác nhau về lãnh đạo. Chúng tôi chấp nhận quan điểm cho rằng: “Lãnh đạo chính là quá trình chủ thể nằm ở vị trí quyết định và chi phối trong hệ thống xã hội cụ thể, căn cứ vào nhu cầu và nguyện vọng của hệ thống này cũng như điều kiện và hoàn cảnh hiện thực để xác định mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ nam hành động cho cả hệ thống, vận dụng và sử dụng các nguồn lực và phương thức nhằm phát huy sức mạnh của chính thể hệ thống, nhất là sức mạnh của nhóm hoặc tổ chức không giữ vị trí và vai trò chi phối, từ đó hoàn thành nhiệm vụ và mục tiêu cụ thể”.⁽¹⁾

Định nghĩa này không chỉ cho thấy cấu trúc của hoạt động lãnh đạo, mà còn thể hiện được nội dung hay các chức năng cơ bản của lãnh đạo. Có thể từ các phương diện sau để lý giải nội hàm của khái niệm lãnh đạo nói trên. Có thể từ các phương

¹ Thường Kiến (2007): Giáo trình lãnh đạo học, Nxb Đại học Nhân dân Trung Quốc, Bắc Kinh, Trung Quốc, tr.3.

diện sau để nhận thức rõ hơn nội hàm của quan niệm này. (i) “hệ thống xã hội cụ thể” ở đây chính là một tổ chức, một cơ quan, đơn vị, một nhóm, một quốc gia mà trong đó hoạt động lãnh đạo diễn ra; (ii) chủ thể “nằm ở vị trí quyết định và chi phối” chính là chủ thể lãnh đạo, là bên đưa ra các tác động trong lãnh đạo; (iii) “sức mạnh của chính thể hệ thống, đặc biệt là sức mạnh của nhóm và tổ chức không giữ vị trí, vai trò quyết định, chi phối” chính là khách thể lãnh đạo. Nói cụ thể đó là đối tượng chịu sự tác động trực tiếp hay chịu sự ảnh hưởng từ chủ thể lãnh đạo; (iv) “nhu cầu, nguyện vọng của hệ thống cũng như điều kiện và hoàn cảnh hiện thực” chính là môi trường lãnh đạo, vừa bao gồm môi trường bên trong của tổ chức, vừa bao gồm môi trường bên ngoài. Môi trường là cơ sở và căn cứ cho hoạt động lãnh đạo của chủ thể lãnh đạo; (v) “xác định mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ nam hành động của hệ thống” chính là việc chủ thể lãnh đạo đề ra tầm nhìn, mục tiêu, chiến lược của tổ chức cũng như phương châm chính sách để thực hiện mục tiêu của tổ chức. Đây là chức năng đầu tiên của hoạt động lãnh đạo; (vi) “vận dụng và sử dụng các nguồn lực và phương thức nhằm phát huy sức mạnh của chính thể hệ thống, nhất là sức mạnh của nhóm hoặc tổ chức không giữ vị trí và vai trò chi phối” chính là sự tương tác thực tế giữa chủ thể lãnh đạo và khách thể lãnh đạo. Đây là bước thứ hai của lãnh đạo hay còn gọi là lãnh đạo việc tổ chức thực hiện; (vii) tập trung vào việc “hoàn thành nhiệm vụ và mục tiêu cụ thể” có nghĩa là, chủ thể lãnh đạo căn cứ vào tình hình của tổ chức và môi trường bên ngoài để phát huy tất cả nhân tố tích cực nhằm thực hiện mục

tiêu cụ thể của tổ chức.

Từ góc độ khoa học lãnh đạo, có thể thấy, hoạt động lãnh đạo có nhiều nội dung khác nhau, trong đó chủ yếu bao gồm: (i) thông qua phương thức phù hợp để đề ra được tầm nhìn phù hợp; (ii) đề ra chủ trương, định hướng và chiến lược để phục vụ cho việc thực hiện tầm nhìn; (iii) coi trọng xây dựng tổ chức bộ máy cũng như biết cách “dùng người”, nhất là tập hợp, quy tụ và phát huy được người tài năng; (iv) truyền cảm hứng về tầm nhìn, nhất là làm cho mọi người có khát vọng mạnh mẽ đối với sự phát triển của tổ chức; (v) lãnh đạo xây dựng thể chế và văn hóa tổ chức; (vi) động viên, thúc đẩy mọi người nỗ lực trong hoạt động, góp phần thực hiện tầm nhìn; (vii) điều hòa các mối quan hệ và tích hợp nguồn lực bên trong và bên ngoài; (viii) lãnh đạo sự thay đổi; (ix) kiểm tra, giám sát và tổng kết việc thực hiện.

1.1.2. Năng lực lãnh đạo

Đến nay có nhiều quan niệm về năng lực lãnh đạo. Mặc dù vậy, có thể hiểu năng lực lãnh đạo chính là năng lực cần có để chủ thể lãnh đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ, sứ mệnh lãnh đạo. Từ các nội dung của hoạt động lãnh đạo ở trên, năng lực lãnh đạo thể hiện chủ yếu ở (i) năng lực kiến tạo tầm nhìn và hoạch định chủ trương, chiến lược (gồm năng lực kiến tạo tầm nhìn và hoạch định chủ trương, chiến lược); (ii) năng lực tổ chức thực hiện (gồm truyền cảm hứng về tầm nhìn, xây dựng tổ chức bộ máy và quy tụ, sử dụng nhân tài; năng lực truyền cảm hứng; năng lực lãnh đạo xây dựng thể chế và văn hóa; năng lực động viên, thúc đẩy; năng lực lãnh đạo sự thay đổi...) (iii) năng lực kiểm

tra, giám sát và đánh giá, tổng kết việc thực hiện. Từ quan niệm về năng lực lãnh đạo như vậy, có thể cho rằng, năng lực lãnh đạo của Đảng chính là tổng thể những năng lực cần có để Đảng hoàn thành tốt chức năng, sứ mệnh lãnh đạo của mình. Năng lực lãnh đạo của Đảng thể hiện tập trung ở năng lực kiến tạo tầm nhìn và hoạch định đường lối chiến lược; năng lực tổ chức thực hiện (gồm truyền cảm hứng về tầm nhìn, xây dựng tổ chức bộ máy và sử dụng đúng cán bộ; năng lực truyền cảm hứng; năng lực lãnh đạo xây dựng thể chế và văn hóa; năng lực động viên, thúc đẩy; năng lực lãnh đạo sự thay đổi...) và năng lực kiểm tra, giám sát và đánh giá, tổng kết việc thực hiện.

1.2. Đảng cầm quyền và Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền

1.2.1. Khái niệm Đảng cầm quyền

Khái niệm "đảng cầm quyền" được dùng ở cả các nước tư bản chủ nghĩa và các nước xã hội chủ nghĩa. Ở các nước tư bản chủ nghĩa, khái niệm này dùng để chỉ đảng thắng cử thông qua bầu cử cạnh tranh, giành được đa số ghế trong nghị viện, được quyền thành lập chính phủ. Người đứng đầu nội các (chính phủ) là tổng thống hoặc thủ tướng là người của đảng thắng cử. Trường hợp không đảng nào thắng cử, chiếm đa số ghế trong quốc hội (nghị viện) để thành lập chính phủ thì phải đảng giành được nhiều ghế liên minh với các đảng khác để thành lập nội các và cầm quyền. Trước khi có đảng cầm quyền, ở các nước này đã có nhà nước, có hiến pháp, hệ thống pháp luật và đảng cầm quyền phải tuân thủ theo hiến pháp, pháp luật của nước đó.

Như vậy, đảng cầm quyền là khái niệm để chỉ đảng chính

trị trong thời kỳ giành được quyền thiết lập và sử dụng bộ máy chính quyền để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của đảng cầm quyền theo hiến pháp, pháp luật.

Đảng cộng sản cầm quyền là đảng đã giành được địa vị cầm quyền thông qua cuộc đấu tranh cách mạng vô sản hoặc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, lật đổ bộ máy chính quyền của giai cấp bóc lột, thiết lập một nhà nước kiểu mới - nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động để thực hiện mục đích cao cả của Đảng là xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền: Từ sau thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945, lập nên nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Đảng ta đã trở thành Đảng cầm quyền và là Đảng duy nhất cầm quyền lãnh đạo Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và giải phóng đất nước, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: "Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội... Đảng thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị."

1.2.2. Đặc điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền

Một là, Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành Đảng cầm quyền sau quá trình Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Từ ngày thành lập, Đảng

Cộng sản Việt Nam đã là lực lượng lãnh đạo cách mạng đấu tranh giành lại độc lập cho Tổ quốc và lật đổ chế độ thực dân phong kiến giành chính quyền về tay nhân dân lao động. Trong suốt quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ đó, các tầng lớp nhân dân lao động luôn thừa nhận đường lối cách mạng do Đảng đề ra là đúng đắn và các cán bộ, đảng viên luôn đi đầu trong đấu tranh cách mạng, chiến đấu hy sinh vì độc lập dân tộc và quyền lợi của các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động, gắn bó mật thiết với nhân dân. Vì thế, khi giành được chính quyền, Đảng đương nhiên là Đảng cầm quyền, đảng viên được nhân dân bầu vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và đảm nhiệm các cương vị chủ chốt trong bộ máy cơ quan nhà nước.

Hai là, nhiệm vụ chính trị của Đảng đã thay đổi căn bản. Từ chưa có chính quyền đến có chính quyền là một bước ngoặt căn bản của cách mạng, là một bước phát triển mới về chất trong sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Khi chưa giành được chính quyền, nhiệm vụ chủ yếu của Đảng là lãnh đạo nhân dân đấu tranh lật đổ chế độ cũ, đập tan bộ máy nhà nước của giai cấp bóc lột; khi giành được chính quyền, nhiệm vụ đầu tiên của Đảng là thiết lập nhà nước cách mạng của nhân dân và xây dựng xã hội mới, bao hàm cả nhiệm vụ bảo vệ những thành quả cách mạng đã đạt được. Nếu trước đây nhiệm vụ hàng đầu của Đảng là nhiệm vụ lãnh đạo quân sự, thì khi có chính quyền, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng là xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội.

Sự nghiệp xây dựng một xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa, trên lý luận cũng như trong thực tiễn rõ ràng là khó khăn

gian khổ. Cách mạng xã hội chủ nghĩa Việt Nam diễn ra ở một nước vốn là thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế bị chiến tranh tàn phá nặng nề, lại đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa càng khó khăn, phức tạp, đòi hỏi Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn và phải có nội dung, phương thức lãnh đạo phù hợp.

Ba là, có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là công cụ chủ yếu, sắc bén, thông qua đó Đảng thực hiện sự lãnh đạo của mình đối với xã hội. Nhà nước xã hội chủ nghĩa - từ trong bản chất của mình - là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân dân và vì nhân dân. Trong hệ thống chính trị của chủ nghĩa xã hội, Nhà nước giữ vị trí trung tâm và có vai trò cực kỳ quan trọng.

Sự lãnh đạo của Đảng thể hiện tập trung ở sự lãnh đạo đối với Nhà nước; đường lối, chủ trương của Đảng được thực hiện chủ yếu thông qua Nhà nước. Nhà nước cũng là tổ chức thể hiện tập trung nhất quyền làm chủ của nhân dân, là tổ chức sắc bén thể hiện và thực hiện ý chí và lợi ích của nhân dân, thực hiện quyền lực của nhân dân, nhân danh nhân dân để quản lý xã hội.

Có chính quyền, trừ những vấn đề thuộc về nội bộ Đảng, tất cả đường lối, chủ trương, chính sách lớn của Đảng đều được thể chế hóa, cụ thể hóa thành chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Quyền lãnh đạo và uy tín của Đảng trước hết được thực hiện thông qua hoạt động của Nhà nước. Nhà

nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực là điều kiện đầu tiên để Đảng thực hiện có hiệu quả vai trò lãnh đạo của mình đối với xã hội. Sức mạnh của Đảng cầm quyền không phải chỉ là sức mạnh của bản thân Đảng, mà là sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, trong đó nòng cốt là Nhà nước do Đảng lãnh đạo.

Có chính quyền, cán bộ, đảng viên được bố trí vào các cương vị, chức vụ trong bộ máy nhà nước. Đó là việc làm cần thiết để thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng. Nhưng, khi có chức, có quyền, một bộ phận cán bộ, đảng viên dễ lợi dụng, lạm dụng chức quyền để làm điều sai trái như quan liêu, mệnh lệnh, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng, hối lộ, ức hiếp nhân dân, thoái hóa biến chất, vi phạm nghiêm trọng quyền làm chủ của nhân dân, làm cho nhân dân oán ghét, uy tín của Đảng bị giảm sút. Hiện tượng này không gắn với bản chất của Đảng, của Nhà nước, nhưng nếu không có biện pháp phòng ngừa và khắc phục có hiệu quả, nếu kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước thiếu nghiêm minh sẽ gây hậu quả khó lường. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã chỉ rõ: "Tình trạng tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng với biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp, gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến phức tạp hơn; một số ít cán bộ, đảng viên bị phân tử xấu lợi dụng lôi kéo, kích động, xúi dục, mua chuộc đã có tư tưởng, việc làm chống đối Đảng, Nhà nước";

"nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm là do xây dựng Đảng cầm quyền trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế là vấn đề mới và khó, phải vừa làm, vừa tìm tòi, tổng kết rút kinh nghiệm để đổi mới, hoàn thiện. Chậm đổi mới tư duy về công tác xây dựng Đảng trong điều kiện mới" .

Bốn là, phương thức lãnh đạo của Đảng thay đổi căn bản. Có chính quyền, nhiệm vụ trung tâm của Đảng đối với toàn xã hội là lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội và các lĩnh vực khác của đất nước. V.I. Lênin đã chỉ rõ: "Khi tình hình đã thay đổi và chúng ta phải giải quyết những nhiệm vụ thuộc loại khác, thì không nên nhìn lại đằng sau và sử dụng những phương pháp của ngày hôm qua" . V.I. Lênin đã cảnh báo những người cộng sản rằng: ai muốn dùng phương pháp cũ trong cuộc đấu tranh giành chính quyền để giải quyết những nhiệm vụ tổ chức của một Đảng cầm quyền thì người đó sẽ phá sản hoàn toàn với tính cách là nhà chính trị, là người xã hội chủ nghĩa.

Có chính quyền, nhiệm vụ xây dựng đất nước đòi hỏi Đảng phải có những cách thức, phương pháp, hình thức lãnh đạo mới phù hợp. Đảng cầm quyền cần đặc biệt chú trọng đến phương pháp lãnh đạo thông qua Nhà nước, phát huy vai trò, hiệu quả hoạt động của Nhà nước trong việc thể chế hóa, cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng thành chính sách và pháp luật, bằng các hình thức, biện pháp quản lý của Nhà nước. Đồng thời, Đảng phải thường xuyên coi trọng và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong

việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Đảng là hạt nhân lãnh đạo hệ thống chính trị, nhưng Đảng là thành viên của hệ thống đó. Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật; mọi biểu hiện thiếu tôn trọng hoặc làm trái Hiến pháp, pháp luật đều dẫn đến nguy cơ làm suy yếu vai trò lãnh đạo của Đảng.

Năm là, Đảng ta là Đảng duy nhất lãnh đạo Nhà nước và xã hội đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây là đặc điểm nổi bật chi phối mọi hoạt động của Đảng. Trước hết, nhân dân ta chỉ chấp nhận Đảng Cộng sản Việt Nam - ngay từ khi mới ra đời cho đến nay - là lực lượng lãnh đạo duy nhất của mình. Nhân dân luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng. Tuy nhiên, là Đảng duy nhất cầm quyền, Đảng có nhiều thuận lợi, nhưng cũng không ít khó khăn, thử thách cần được khắc phục nhất là biểu hiện quan liêu, xa dân, bao biện, làm thay, lấn sân chức năng, nhiệm vụ của nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đảng viên lợi dụng chức quyền tham nhũng, lãng phí...

1.2.2. Năng lực cầm quyền của Đảng

Cho đến nay, còn nhiều ý kiến khác nhau về khái niệm "năng lực cầm quyền của Đảng". Chẳng hạn, có quan điểm cho rằng "Năng lực cầm quyền của Đảng chính là năng lực Đảng vận dụng và đề ra được lý luận, đường lối, phương châm, chính sách và sách lược đúng đắn, lãnh đạo việc hoạch định và thực thi hiến pháp và pháp luật, vận dụng thể chế và phương thức lãnh đạo khoa học để động viên và tổ chức nhân dân quản lý

nhà nước và các lĩnh vực của đời sống xã hội, qua đó thực hiện thắng lợi mục tiêu và tầm nhìn do Đảng đề ra”. Hiểu một cách khái quát, năng lực cầm quyền của Đảng chính là năng lực lãnh đạo Nhà nước và xã hội (được hiến định tại Hiến pháp năm 2013) nhằm xây dựng, phát triển đất nước theo con đường, mục tiêu mà Đảng đã xác định, được thực hiện thông qua đội ngũ đảng viên nắm giữ các vị trí trong hệ thống chính trị.¹ Theo đó, năng lực cầm quyền của Đảng thể hiện trên các phương diện chủ yếu: (i) năng lực vận dụng lý luận đúng đắn để xác định được tầm nhìn và hoạch định chủ trương, chiến lược đúng đắn, phù hợp; (ii) năng lực tổ chức thực hiện (gồm làm cho đội ngũ cán bộ, các tầng lớp nhân dân hiểu rõ về tầm nhìn, chủ trương của Đảng cũng như nỗ lực thực hiện theo tầm nhìn, chủ trương của Đảng; năng lực lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật; xây dựng tổ chức bộ máy phù hợp và xây dựng được đội ngũ cán bộ ngang tầm; năng lực lãnh đạo xây dựng thể chế và văn hóa; năng lực động viên, thúc đẩy các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia quản lý nhà nước và xã hội cũng như phân đấu nỗ lực thực hiện theo mục tiêu, chủ trương của Đảng; năng lực lãnh đạo sự thay đổi...) (iii) năng lực kiểm tra, giám sát và đánh giá, tổng kết việc thực hiện.

Giữa năng lực lãnh đạo và năng lực cầm quyền vừa có sự thống nhất, vừa có sự khác biệt. Điểm thống nhất là ở chỗ,

¹ Lâm Quốc Tuấn (2015), Năng cao năng lực cầm quyền của Đảng, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 7.

năng lực lãnh đạo và năng lực cầm quyền của Đảng đều nói đến các phương diện cốt lõi là (i) năng lực vận dụng lý luận đúng đắn để xác định được tầm nhìn và hoạch định chủ trương, chiến lược đúng đắn, phù hợp; (ii) năng lực tổ chức thực hiện (gồm làm cho đội ngũ cán bộ, các tầng lớp nhân dân hiểu rõ về tầm nhìn, chủ trương của Đảng cũng như nỗ lực thực hiện theo tầm nhìn, chủ trương của Đảng; năng lực lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật cũng như thực hiện có hiệu quả chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng tổ chức bộ máy phù hợp và xây dựng được đội ngũ cán bộ ngang tầm; năng lực lãnh đạo xây dựng thể chế và văn hóa; năng lực động viên, thúc đẩy các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia quản lý nhà nước và xã hội cũng như phấn đấu nỗ lực thực hiện theo mục tiêu, chủ trương của Đảng; năng lực lãnh đạo sự thay đổi...) (iii) năng lực kiểm tra, giám sát và đánh giá, tổng kết việc thực hiện. Điểm khác biệt là ở chỗ, năng lực cầm quyền Đảng nhấn mạnh hơn năng lực Đảng lãnh đạo Nhà nước và thông qua Nhà nước để thực hiện có hiệu quả cương lĩnh, đường lối và tầm nhìn do Đảng đề ra..

2. THỰC TRẠNG NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, NĂNG LỰC CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã có báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ Đại hội XII. Đại hội đã đánh giá khách quan, toàn diện những ưu điểm, hạn chế trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; đồng thời xác định phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp về xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội XIII.

2.1. Ưu điểm về năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng

Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy, tổ chức Đảng đặc biệt coi trọng. Nhiều vấn đề khó, phức tạp đã được đặt ra và thực hiện từ nhiều năm trước, nhưng hiệu quả thấp, chưa đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra, thì nay đạt được những kết quả cụ thể, rõ rệt. Những ưu điểm công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng cũng như ưu điểm về năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng đã Đại hội XIII đánh giá một cách khách quan, toàn diện trong Báo cáo về công tác xây dựng công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng. Ở đây, từ góc độ năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng có thể thấy một số ưu điểm về năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng như sau:

Thứ nhất, công tác lý luận và việc phát triển lý luận có nhiều ưu điểm. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta rất quan tâm đến công tác lý luận nói chung, công tác nghiên cứu lý luận chính trị nói riêng. Nhờ đó, chúng ta đã hình thành được hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, hệ thống lý luận đó ngày càng được bổ sung, phát triển qua các nhiệm kỳ đại hội Đảng.^[1]

Thứ hai, năng lực dự báo, hoạch định đường lối, chủ

¹ Lê Hữu Nghĩa (2021), Đảng lãnh đạo phát huy dân chủ trong nghiên cứu lý luận chính trị, Tạp chí Lý luận chính trị điện tử, ngày 3 tháng 6 năm 2021.

trương của Đảng được nâng lên rõ rệt. Chẳng hạn, trong nhiệm kỳ Đại hội XII, Ban Chấp hành Trung ương đã bám sát Nghị quyết Đại hội XII, nhất là 6 nhiệm vụ trọng tâm, ban hành 14 Nghị quyết và 01 quy định, trong đó có 04 Nghị quyết và 01 quy định về công tác xây dựng Đảng. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều văn bản về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, trong đó có các chủ trương, nghị quyết để lãnh đạo thực hiện những nhiệm vụ mới, quan trọng. Đồng thời, Đảng Đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng chính phủ đã khẩn trương chỉ đạo việc thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng thành văn bản pháp luật của Nhà nước để thực hiện.

Thứ ba, công tác xây dựng Đảng về đạo đức được đặt biệt chú trọng; xây dựng Đảng về tư tưởng được tăng cường, góp phần nâng cao nhận thức, củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận xã hội. Công tác xây dựng Đảng về đạo đức được đề cao (Ban hành Nghị quyết TW 4 khóa XII, Quy định 55-QĐ/TW, Quy định 08-QĐi/TW; hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, về CNXH và con đường đi lên CNXH tiếp tục được bổ sung, phát triển. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW đã trở thành nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mỗi tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên với nhiều cách làm mới, sáng tạo, đạt kết quả tích cực; công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị được đổi mới, chất lượng được nâng lên; từng bước khắc phục tình trạng lười học, ngại học lý luận chính trị; việc tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được quan tâm hơn. Việc

đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, đạt kết quả rõ rệt.

Thứ tư, việc đổi mới, kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh gọn đầu mối, tinh giản biên chế của hệ thống chính trị đã được triển khai thực hiện quyết liệt ở các cấp với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động có trọng tâm, trọng điểm, và đạt được nhiều kết quả quan trọng, rõ nét; bước đầu khắc phục được một số hạn chế, khuyết điểm đã tồn tại trong thời gian dài. Kết quả là, tính đến ngày 31/12/2019, chúng ta giảm được 4 đầu mối trực thuộc Trung ương, 97 đầu mối trực thuộc cấp tỉnh, 06 đơn vị hành chính cấp huyện, 545 đơn vị hành chính cấp xã... Việc thực hiện tinh giản biên chế đạt kết quả rõ nét, biên chế của hệ thống chính trị giảm liên tục, góp phần giảm chi thường xuyên, tăng chi cho đầu tư phát triển. So với thời điểm tháng 4 năm 2015, tổng số người làm việc hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước giảm hơn 500.000 người (giảm gần 15%), cán bộ công chức cấp huyện trở lên giảm 40.000 người.

Thứ năm, công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ có nhiều đổi mới, được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện toàn diện, đồng bộ và đạt được một số kết quả quan trọng, đội ngũ cán bộ ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Công tác đánh giá cán bộ, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng luân chuyển cán bộ ở các cấp được đổi mới và đẩy mạnh; công tác bảo vệ chính trị nội bộ được quan tâm hơn; việc thẩm định.

Thứ sáu, về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được tăng cường, có nhiều đổi mới và đạt được kết quả quan trọng; công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí được lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, toàn diện, có bước đột phá và đạt nhiều kết quả cụ thể, rõ rệt.

Thứ bảy, về công tác dân vận và mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân. Công tác dân vận được chú trọng và tiếp tục đổi mới, chất lượng và hiệu quả được nâng lên; mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân được củng cố, tăng cường.

Thứ tám, phương thức lãnh đạo của Đảng tiếp tục được đổi mới, nhất là đổi mới việc ban hành đường lối, chủ trương, nghị quyết, đổi mới công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục, đổi mới công tác tổ chức, cán bộ, đổi mới công tác kiểm tra, giám sát và tăng cường sự gương mẫu của cán bộ đảng viên nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng.

Những ưu điểm và kết quả trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhân tố cốt lõi nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, cũng là yếu tố rất quan trọng để đất nước ta có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay; làm cho Đảng ta đoàn kết, thống nhất và trong sạch, vững mạnh hơn; niềm tin của nhân dân đối với Đảng được củng cố, tăng cường hơn; tạo nền tảng vững chắc đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững trong những năm tới.

2.2. Một số vấn đề đặt ra về năng cao năng lực lãnh

đạo, năng lực cầm quyền của Đảng

Bên cạnh ưu điểm nêu trên, việc năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng vẫn còn một số vấn đề đặt ra:

Thứ nhất, vấn đề nâng cao năng lực hoạch định đường lối của Đảng gắn với phát huy dân chủ trong hoạch định đường lối của Đảng. Lý luận và thực tiễn đã chỉ rõ, xác định được tầm nhìn, hoạch định được đường lối đúng đắn là một trong những yêu cầu cốt lõi đối với đảng cầm quyền. Năng lực hoạch định đường lối của Đảng không chỉ liên quan trực tiếp đến hoạt động lãnh đạo của Đảng, mà còn liên quan trực tiếp đến năng lực quản trị của nhà nước cũng như sự phát triển của xã hội. Năng lực hoạch định đường lối của Đảng chính là nói đến việc Đảng có đủ khả năng đề ra được đường lối khoa học, có tính chiến lược và phù hợp với thực tiễn đất nước và xu thế phát triển của thời đại. Năng lực hoạch định đường lối của Đảng phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó cốt yếu nhất là thể chế hoạch định đường lối của Đảng, nhất là thể chế phát huy dân chủ trong quá trình Đảng hoạch định đường lối. Xác định được tầm nhìn và đề ra được đường lối đúng đắn là một truyền thống quý báu của Đảng ta. Tuy nhiên, môi trường lãnh đạo, cầm quyền của Đảng phức tạp và xuất phát nhiều nhân tố “không xác định” hiện nay đang đặt ra nhiều khó khăn thách thức trong hoạch định đường lối của Đảng. Mặt khác, ở một số địa phương, năng lực hoạch định đường lối, chủ trương của cấp ủy Đảng còn không ít hạn chế, bất cập, ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng. Một số hạn chế, bất cập về năng lực hoạch định đường lối của Đảng có nhiều nguyên nhân, trong đó

cần phải kể đến một nguyên nhân quan trọng là chưa phát huy đầy đủ vai trò tư vấn, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân cũng như hệ thống các tổ chức tư vấn. Vì vậy, làm thế nào để nâng cao năng lực hoạch định đường lối của Đảng trong bối cảnh môi trường lãnh đạo, cầm quyền của Đảng có nhiều nhân tố không xác định như hiện nay là một vấn đề đặt ra cần được quan tâm hơn nữa.

Thứ hai, vấn đề mới đặt ra liên quan đến xây dựng Đảng về tư tưởng. Xây dựng Đảng về tư tưởng không chỉ liên quan trực tiếp đến năng lực hoạch định đường lối của Đảng, mà còn liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, cũng như củng cố và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh mới hiện nay. Xây dựng Đảng về tư tưởng cũng là yếu tố đặc biệt quan trọng nhằm ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Báo cáo công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ Đại hội XII tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã có những đánh giá về những bất cập, hạn chế trong công tác xây dựng Đảng về tư tưởng. Từ thực tiễn có thể thấy một số vấn đề nổi bật sau đây cần quan tâm giải quyết có hiệu quả.

Một là, vấn đề phát triển lý luận của Đảng nhằm góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng cũng như tăng cường nguồn lực cầm quyền của Đảng. Công tác lý luận của Đảng không những liên quan trực tiếp đến năng lực hoạch định đường lối của Đảng, mà còn liên quan trực tiếp đến việc củng cố và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối

cảnh mới. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta rất quan tâm đến công tác lý luận nói chung, công tác nghiên cứu lý luận chính trị và phát huy dân chủ trong nghiên cứu nói riêng. Nhờ đó, chúng ta đã hình thành được hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, hệ thống lý luận đó ngày càng được bổ sung, phát triển qua các nhiệm kỳ đại hội Đảng.^[1] Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, công tác lý luận của Đảng vẫn còn một số hạn chế, bất cập, đó là: “nhìn chung, lý luận còn lạc hậu, tính dự báo thấp, kết quả nghiên cứu lý luận chưa đáp ứng tốt yêu cầu thực tiễn;”^[2] “công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận chưa được quan tâm đúng mức, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu, một số vấn đề mới, khó, phức tạp chưa được làm sáng tỏ”.^[3] Những hạn chế, bất cập trong phát triển lý luận của Đảng có nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân quan trọng cần kể đến đó là: (i) việc lãnh đạo công tác phát triển lý luận còn chưa đáp ứng được yêu cầu; (ii) việc phát huy dân chủ trong nghiên cứu lý luận chưa đáp ứng được yêu cầu, “vẫn còn tình trạng quy chụp về tư tưởng, quan điểm, áp đặt ý kiến cá nhân; việc tổ chức đối thoại lý luận, nhất là với những người có ý kiến khác hoặc trái còn ít; còn thiếu cơ chế bảo vệ những người nghiên

¹ Lê Hữu Nghĩa (2021), Đảng lãnh đạo phát huy dân chủ trong nghiên cứu lý luận chính trị, Tạp chí Lý luận chính trị điện tử, ngày 3 tháng 6 năm 2021.

² Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 9/10/2014 của Bộ Chính trị về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 2021, tr.90-91.

cứu có tư duy đổi mới, dám nói, dám đột phá; thiếu chế tài ràng buộc, xử lý vi phạm quyền dân chủ trong nghiên cứu lý luận”;^[1] (iii) bệnh kinh nghiệm và bệnh giáo điều còn chi phối trong nhiều cán bộ lãnh đạo các cấp; chưa coi trọng đúng mức việc nghiên cứu các lý luận, lý thuyết mới, tiến bộ trên thế giới theo tinh thần Nghị quyết 01-NQ/TW, ngày 28/3/1992 của Bộ Chính trị (khóa VII) về “Công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay”, đó là: “Đối với những học thuyết khác – ngoài chủ nghĩa Mác-Lênin, cần được nghiên cứu trên quan điểm khách quan, biện chứng”;^[2] (iv) việc đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nghiên cứu lý luận còn hạn chế, chất lượng hoạt động của một số cơ quan tư vấn, nghiên cứu lý luận của Đảng và Nhà nước còn chưa cao; (v) thiếu đội ngũ chuyên gia giỏi, chuyên gia lý luận đầu ngành, cơ chế chính sách về thu hút và trọng dụng nhân tài trong lĩnh vực nghiên cứu lý luận còn nhiều bất cập. Hai là, vấn đề mới đặt ra liên quan đến việc nâng cao hiệu quả học tập, quán triệt Nghị quyết của Đảng, cũng như cơ chế đảm bảo để đội ngũ cán bộ, đảng viên được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về lý luận chính trị hiện nay. Việc nâng cao hiệu quả học tập, quán triệt Nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên cũng như việc đảm bảo để đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp được học tập, bồi dưỡng, cập nhật thường

¹ Lê Hữu Nghĩa, tài liệu đã dẫn.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (1992), Nghị quyết 01-NQ/TW, ngày 28/3/1992 của Bộ Chính trị (khóa VII) về “Công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay”.

xuyên về lý luận chính trị, kiến thức là có vai trò quan trọng, không những liên quan trực tiếp đến việc thực hiện có hiệu quả chủ đường, đường lối của Đảng và củng cố “bốn ý thức” (“ý thức chính trị”, “ý thức về nhiệm vụ tổng thể”, “ý thức nhiệm vụ trọng tâm”, “ý thức thích ứng với tình hình”) của đội ngũ cán bộ, đảng viên; mà còn liên quan trực tiếp đến việc ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Trong thời gian qua, việc tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân đã được tổ chức Đảng các cấp luôn coi trọng. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, việc tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên chậm được đổi mới, hiệu quả chưa cao. Điều này cùng với tình trạng “ngại học, lười học lý luận chính trị” trong một bộ phận cán bộ đảng viên đã ảnh hưởng rất lớn đến việc tổ chức thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, cũng như không có lợi cho việc tăng cường ý thức chính trị, ý thức về nhiệm vụ tổng thể, ý thức về nhiệm vụ trọng tâm và ý thức thích ứng với tình hình của đội ngũ cán bộ, đảng viên; đồng thời cũng không có lợi cho việc ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Vì vậy, làm thế nào để nâng cao hiệu quả việc tổ chức học tập, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên là một vấn đề đặt ra cần được quan tâm đặc biệt. Cùng với việc học tập, quán triệt nghị quyết, chủ trương, đường

lỗi của Đảng là chế độ học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và lý luận chính trị thường xuyên cho đội ngũ cán bộ. Trong bối cảnh kinh tế tri thức hiện nay cũng như do sự thay đổi của môi trường lãnh đạo, quản lý nên việc cập nhật kiến thức và lý luận chính trị thường xuyên cho đội ngũ cán bộ là một yêu cầu quan trọng nhằm nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ. Thời gian qua, mặc dù chúng ta đã coi trọng việc thực hiện chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, song công tác này vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa có quy định cụ thể về thực hiện việc học tập, bồi dưỡng và cập nhật kiến thức bắt buộc cho tất cả cán bộ đương chức từ Bộ Chính trị đến cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở. Đây là nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tầm nhìn, năng lực tư duy, năng lực đổi mới và sáng tạo của đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp hiện nay. Do đó, thiết lập cơ chế đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức bắt buộc cho tất cả cán bộ đương chức là một yêu cầu đặt ra nhằm góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng hiện nay.

Ba là, vấn đề mới đặt ra liên quan đến việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với truyền thông báo chí, phát huy tác dụng tích cực của mạng internet trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, cũng như mở rộng, củng cố mặt trận tư tưởng của Đảng. Truyền thông báo chí và mạng internet (nhất là mạng xã hội) là con đường quan trọng để tuyên truyền nền tảng tư tưởng của Đảng, cũng là phương thức cơ bản để nền tảng tư tưởng của Đảng thực hiện được chức năng của mình. Đồng thời, quản lý tốt truyền thông báo chí và mạng xã hội cũng là

yêu cầu quan trọng nhằm hạn chế sự ảnh hưởng tiêu cực của các quan điểm sai trái, thù địch. Trong thời gian qua, sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với lĩnh vực truyền thông báo chí cũng như mạng internet đã có nhiều ưu điểm, góp phần quan trọng để báo chí truyền thông và mạng internet phát huy vai trò và chức năng cần có của mình trong lĩnh vực tư tưởng, nhất là bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Tuy nhiên, việc lãnh đạo và quản lý đối với truyền thông báo chí và mạng internet vẫn còn gặp không ít khó khăn, thách thức, chưa phát huy tối đa vai trò và chức năng cần có của truyền thông báo chí cũng như mạng internet trong bảo vệ, củng cố và mở rộng trận địa tư tưởng của Đảng. Do đó, đổi mới lãnh đạo và quản lý đối với lĩnh vực truyền thông báo chí và mạng internet nhằm phát huy chức năng cần có của các thiết chế này trong củng cố sự đồng thuận xã hội, bảo vệ và mở rộng trận địa tư tưởng của Đảng là một vấn đề mới đặt ra hiện nay.

Thứ ba, vấn đề mới đặt ra liên quan đến việc tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức cũng như ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên hiện nay. Xây dựng Đảng về đạo đức cũng như ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên hiện nay là một trong những vấn đề được Đảng ta đặc biệt quan tâm. Thực ra, trong các kỳ Đại hội thời kỳ đổi mới, Đảng ta đều nhấn mạnh đến vấn đề xây dựng Đảng về đạo đức, chỉ có điểm khác là đến Đại hội XII, XIII Đảng ta mới đặt nhiệm vụ xây dựng Đảng về đạo đức ngang hàng với xây dựng

nhiệm vụ xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ. Từ nhiệm kỳ Đại hội XII đến nay, công tác xây dựng Đảng về đạo đức cũng như việc ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên đã được đẩy mạnh và đạt được kết quả bước đầu rất quan trọng. Tuy nhiên, nhìn tổng thể, vẫn chưa có sự tương xứng giữa *chủ trương, thể chế và cơ chế thực hiện* xây dựng Đảng về đạo đức, cũng như việc ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên hiện nay, thể hiện chủ yếu ở mấy điểm: (i) chưa xây dựng và hoàn thiện được hệ chuẩn đạo đức cách mạng theo tinh thần “Đảng ta là đạo đức, là văn minh” cho phù hợp với điều kiện mới và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc cũng như chưa xây dựng được các chuẩn mực đạo đức làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên tự điều chỉnh hành vi ứng xử trong thực thi công vụ cũng như trong đời sống hằng ngày; (ii) việc tư vấn, giáo dục, bồi dưỡng về đạo đức công vụ chưa được coi trọng đúng mức trong các đơn vị thực hiện chức năng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; (iii) thiết chế hay cơ quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc xây dựng đạo đức công vụ trong cơ quan Đảng và hệ thống chính trị còn chưa được quan tâm đúng mức hoặc chưa được cơ quan chịu trách nhiệm chính trong hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc xây dựng đạo đức công vụ trong tổ chức Đảng và hệ thống chính trị; (iv) công tác giám sát việc thực hiện trách nhiệm nêu gương của đội ngũ cán bộ, bao gồm cán bộ cấp chiến lược hiệu quả chưa cao; việc xử lý cán bộ vi phạm quy định về trách nhiệm nêu gương còn chưa kịp thời; (v) các quy

định nhằm phòng ngừa, hạn chế tình trạng xung đột lợi ích trong thực thi công vụ còn chưa đồng bộ, nhiều lỗ hổng; (vi) việc cổ vũ, biểu dương và tôn vinh các gương sáng về đạo đức trong đội ngũ cán bộ, đảng viên chưa được quan tâm đúng mức. Do đó, giải quyết tốt những vấn đề đặt ra nói trên nhằm tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên hiện nay là một vấn đề mới đang đặt ra hiện nay.

Thứ tư, vấn đề mới đặt ra liên quan đến việc tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và tiếp tục xây dựng Đảng về cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu. Cùng với cơ chế vận hành, tổ chức bộ máy và cán bộ là những yếu tố quyết định đến năng lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của Đảng cũng như năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, ở phương diện đổi mới tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Tuy nhiên, bên cạnh đó, việc đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả cũng như công tác xây dựng đảng về cán bộ vẫn còn một số vấn đề đặt ra, như:

Một là, ở nhiệm vụ đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị có một số vấn đề đặt ra cần giải quyết, gồm: (i) vấn đề xây dựng, hoàn thiện mô hình tổ chức của hệ thống chính trị ở các cấp khác nhau theo hướng vừa đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, vừa xây dựng đảm bảo nguyên tắc

tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; (ii) vấn đề trao quyền tự chủ cho địa phương trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn trên cơ sở đảm bảo sự lãnh đạo của Trung ương, quy định của pháp luật; (iii) vấn đề sớm sơ kết, tổng kết những mô hình thí điểm và nhân rộng những mô hình mới có hiệu quả.

Hai là, về tiếp tục xây dựng Đảng về cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu. Đại hội XIII của Đảng đặt nhiệm vụ xây dựng Đảng về cán bộ ngang hàng với nhiệm vụ xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức và tổ chức; đồng thời đặc biệt nhấn mạnh vị trí, vai trò tầm quan trọng của cán bộ và công tác cán bộ. Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng rút ra một trong 05 bài học kinh nghiệm đó là “Phải thấm nhuần sâu sắc quan điểm công tác cán bộ là nhiệm vụ “then chốt” của công tác xây dựng Đảng, có liên quan đến sự sống còn của Đảng và vận mệnh của chế độ; cán bộ là cái gốc của mọi công việc, là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Vì vậy, phải đặc biệt coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu thật sự có đức, có tài, có uy tín trong Đảng và nhân dân”.¹ Kế thừa và phát triển Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII, Đại hội XIII có nhiều điểm mới, quan trọng liên quan đến xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược. Từ thực tiễn và Văn kiện Đại hội XIII của Đảng có thể thấy một số vấn đề mới đặt ra liên quan

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sdd, tập 2, tr.226.

đến xây dựng Đảng về cán bộ, đó là: (i) vấn đề bổ sung tiêu chuẩn cán bộ trong tình hình mới; (ii) vấn đề phát hiện, lựa chọn, thu hút, trọng dụng nhân tài; (iii) vấn đề mở rộng việc thi tuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp vụ, sở, phòng trong hệ thống chính trị; (iv) vấn đề mở rộng quyền tự chủ của người đứng đầu trong lựa chọn, giới thiệu với cấp có thẩm quyền đề bầu cử, bổ nhiệm cấp phó của mình; (v) vấn đề giao quyền cho người đứng đầu bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với cấp trưởng cấp dưới trực tiếp; (vi) vấn đề xây dựng tư cách, tác phong và hình ảnh cán bộ trong bối cảnh xã hội thông tin hiện nay; (vii) vấn đề xây dựng “cơ chế khuyến khích và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hành động vì lợi ích chung”^[1] theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII; (viii) vấn đề hoàn thiện cơ chế để nhân dân tham gia giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động, phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên và từ mức độ hài lòng, tín nhiệm của nhân dân để đánh giá chất lượng cán bộ, đảng viên; (ix) vấn đề tăng cường phát huy dân chủ trong tất cả các nội dung của công tác cán bộ, nhất là phát huy dân chủ trong quy hoạch, đánh giá, bổ nhiệm cán bộ...

Thứ năm, vấn đề mới đặt ra liên quan đến việc củng cố, mở rộng cơ sở xã hội của Đảng cũng như cơ chế phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sdd, tập 2, tr.243.

trong sạch, vững mạnh trong tình hình mới. Củng cố, mở rộng cơ sở xã hội của đảng cầm quyền là một vấn đề mang tính quy luật nhằm góp phần tăng cường nguồn lực cầm quyền của Đảng cũng như củng cố vị trí lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với nhà nước và xã hội. Vì vậy, hầu hết các đảng cầm quyền trên thế giới hiện nay đều coi trọng việc củng cố, mở rộng cơ sở xã hội của mình thông qua nhiều con đường và phương thức khác nhau, như (i) không ngừng đổi mới lý luận; (ii) làm cho đường lối của đảng cầm quyền phản ánh được nhu cầu và lợi ích của nhiều giai tầng khác nhau; (iii) phát triển đảng viên trong các thành phần xã hội khác nhau; (iv) coi trọng phát triển các tổ chức xã hội và kết nối với các tổ chức xã hội một cách chặt chẽ.

^[1] Dưới tác động của nền kinh tế thị trường và một số yếu tố khác, trong thời kỳ đổi mới, cơ cấu xã hội ở nước ta có sự thay đổi sâu sắc, thể hiện sự phân hóa về mức sống, địa vị kinh tế - xã hội của các tầng lớp nhân dân, cũng như sự đa dạng về nhu cầu, lợi ích và định hướng giá trị của xã hội; đồng thời, dưới sự tác động của quá trình dân chủ hóa và sự phát triển của kinh tế thị trường, các tổ chức xã hội, hiệp hội ngành nghề cũng không ngừng phát triển ở nước ta. Trong bối cảnh này, làm thế nào để mở rộng, củng cố cơ sở xã hội của Đảng nhằm tăng cường nguồn lực cầm quyền của Đảng, cũng như củng cố địa vị lãnh đạo, cầm quyền của Đảng cũng là một vấn đề cần hết sức quan tâm.

¹ Lâm Quốc Tuấn, Nguyễn Trọng Bình (2019), “Xây dựng Đảng cầm quyền – kinh nghiệm của một số nước tư bản”, Tạp chí Thông tin Khoa học lý luận chính trị, số 12 (61).

Liên quan đến vấn đề củng cố, mở rộng cơ sở xã hội của Đảng đó là “*ngiên cứu, ban hành cơ chế để nhân dân tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh trong tình hình mới*”^[1] nhằm thực hiện tốt phương châm “*dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng*”^[2] theo tinh thần Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Sự tham gia của nhân dân trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị là yếu tố đặc biệt quan trọng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng cũng như năng lực quản trị của nhà nước. Sự tham gia của nhân dân cũng là yếu tố quan trọng góp phần củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Chính vì vậy, trong quá trình đổi mới, Đảng ta đều nhấn mạnh một phương châm quan trọng, đó là “*dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng*”. Tuy nhiên, đến nay, một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phát huy vai trò của nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng còn chưa được làm rõ. Vì vậy, việc coi trọng nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn để làm rõ nội dung, hình thức tham gia của nhân dân trong xây dựng Đảng, từ đó xây dựng, hoàn thiện cơ chế phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ là một vấn đề cần được

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, tập 2, tr.249.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, tập 1, tr.191.

quan tâm.

Thứ sáu, vấn đề mới đặt ra liên quan đến tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và hoạt động của Đảng nhằm tăng cường nguồn lực cầm quyền của Đảng hiện nay. Ngày nay, dưới sự tác động trực tiếp của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, công nghệ thông tin đã phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy xã hội loài người bước vào một kỷ nguyên, còn gọi là “xã hội thông tin”, mà mức độ cao hơn của nó là “thời đại dữ liệu lớn”. Xã hội thông tin và “thời đại dữ liệu lớn” ảnh hưởng và tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội từ chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, xóa nhòa khoảng cách về không gian, thời gian, mở rộng phạm vi giao lưu, tương tác của con người.^[1] Sự phát triển của “xã hội thông tin” tạo điều kiện quan trọng để xây dựng đảng chính trị, đảng cầm quyền theo mô hình Đảng “mở”, từ đó không chỉ có lợi cho việc nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng, mà còn có lợi cho việc phát huy dân chủ trong Đảng và sự tham gia của xã hội trong xây dựng Đảng. Chính vì vậy, trong những thập niên qua, các đảng chính trị, đảng cầm quyền ở trên thế giới đều rất coi trọng việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và hoạt động, nhất là ứng dụng công nghệ thông tin nhằm góp phần thực hiện dân chủ trong đảng, phát huy vai trò tham gia, giám sát của xã hội đối với đảng, cũng như góp phần củng cố nền tảng tư tưởng và xây dựng hình ảnh của đảng cầm

¹ Lâm Quốc Tuấn, Nguyễn Trọng Bình (2020), “Bối cảnh và những yêu cầu mới bổ sung, phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về Đảng và xây dựng Đảng”, Tạp chí Lý luận chính trị, số 1.

quyền.^[1] Trong thời gian qua, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động của Đảng đã đạt được một số tiến bộ. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Do đó, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và hoạt động của Đảng, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong bối cảnh mới là một vấn đề cần được quan tâm trong xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

3. ĐIỀU KIỆN MỚI VÀ YÊU CẦU ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆC NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, NĂNG LỰC CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG

Thứ nhất, việc giải quyết một số khó khăn, thách thức và hóa giải nguy cơ, cũng như yêu cầu thực hiện tầm nhìn phát triển đất nước trong giai đoạn mới đòi hỏi phải nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng. Thế giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn, làm gia tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế. Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng đang bị thách thức bởi sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn và sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc

¹ Lâm Quốc Tuấn, Nguyễn Trọng Bình (2019), “Xây dựng Đảng cầm quyền – kinh nghiệm của một số nước tư bản”, Tạp chí Thông tin Khoa học lý luận chính trị, số 12 (61).

cực đoan. Luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương toàn cầu đứng trước những thách thức lớn.

Ở trong nước, bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra còn tồn tại, có mặt còn gay gắt hơn. Nguy cơ tụt hậu, rơi vào bẫy thu nhập trung bình còn lớn. Có biểu hiện chưa quan tâm đúng mức bảo đảm phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển văn hoá, bảo đảm phúc lợi xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong phát triển kinh tế thị trường; chưa bảo đảm phát triển tổng thể, đồng bộ các vùng, miền, địa phương theo lợi thế so sánh và phát huy điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù. Tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ cũng như những mâu thuẫn xã hội còn diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch tiếp tục tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước và đất nước ta. Bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định và thích ứng với biến đổi khí hậu là yêu cầu cấp thiết, đồng thời là những thách thức rất lớn đối với nước ta trong thời gian tới. Để vượt qua khó khăn, thách thức nói trên đòi hỏi cần phải tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và năng lực cầm quyền của Đảng.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cũng đã đề ra tầm nhìn phát triển của đất nước đến năm 2045. Cụ thể là, “đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là

nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao”. Để thực hiện thắng lợi tầm nhìn nói trên, đòi hỏi cần phải nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng.

Thứ hai, toàn cầu hóa và yêu cầu đặt ra đối với việc nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng hiện nay.

Trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã có những dự báo đúng đắn về xu thế biến đổi của quốc tế hóa và toàn cầu hóa. Tuy nhiên, bản thân C.Mác, Ph.Ăngghen và ngay cả V.I.Lênin chưa có những chỉ dẫn đầy đủ về vấn đề xây dựng năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa. Ngày nay, những dự báo của C.Mác và Ph.Ăngghen về mức độ cao của quốc tế hóa là toàn cầu hóa (Globalization) đã trở thành hiện thực. Từ thập niên 80 thế kỷ XX đến nay, tiến trình toàn cầu hóa, cốt lõi là toàn cầu hóa kinh tế đã và đang diễn ra mạnh mẽ. Toàn cầu hóa vừa tạo ra thời cơ, vừa đặt ra không ít thách thức cho mỗi quốc gia dân tộc trong phát triển hiện nay. Đúng như John Cotter đã khẳng định “Toàn cầu hóa làm cho sự thay đổi càng trở nên nhanh hơn, vừa tạo ra rất nhiều cơ hội, đồng thời cũng tạo ra nhiều thách thức và rủi ro”.^[1] Toàn cầu hóa kinh tế không chỉ là sự hợp tác giữa các quốc gia, mà còn là quá trình cạnh tranh giữa các quốc

¹ John Cotter (1997): *The New Rules*, Free Press.

gia. Để giành ưu thế trong cạnh tranh, đòi hỏi mỗi quốc gia cần phải nâng cao năng lực cạnh tranh của mình. Toàn cầu hóa thúc đẩy sự giao lưu, chia sẻ thông tin, làm cho đời sống xã hội thể hiện xu thế nhất thể hóa, đa dạng hóa và phụ thuộc lẫn nhau. Toàn cầu hóa không chỉ tác động mạnh mẽ đến chính trị và hệ thống xã hội của mỗi quốc gia dân tộc, mà còn tác động sâu sắc đến hệ thống giá trị và ý thức hệ vốn có của mỗi quốc gia dân tộc. Toàn cầu hóa rất dễ dẫn đến nguy cơ các công ty xuyên quốc gia chi phối hệ thống chính sách quốc gia dân tộc. Vì vậy, đòi hỏi cần phải nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng cũng như xây dựng được một hệ thống quản trị quốc gia hiệu quả, có năng lực cạnh tranh tốt; giữ vững vai trò nền tảng tinh thần của ý thức hệ Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ ba, sự phát triển của xã hội thông tin và “thời đại dữ liệu lớn” đặt ra yêu cầu đối với việc nâng cao năng lực thích ứng và tăng cường nguồn lực cầm quyền của Đảng hiện nay. C.Mác, Ph.Ăngghen và cả V.I.Lênin chưa tiên liệu một cách đầy đủ về sự phát triển của xã hội loài người theo hướng “thông tin hóa” như ngày hôm nay, cũng như chưa có những chỉ dẫn cụ thể về xây dựng Đảng Cộng sản trong bối cảnh sự phát triển của xã hội thông tin, mà mức độ cao của nó là “thời đại dữ liệu lớn” như hiện nay. McLuhan chỉ rõ: “Bất kỳ kỹ thuật và công nghệ nào cũng dẫn đến việc tạo ra một môi trường mới của xã hội loài người”. Lịch sử phát triển của xã hội cho thấy, sự phát triển của khoa học công nghệ là động lực chủ yếu thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Ngày nay, dưới sự tác động trực tiếp của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư,

công nghệ thông tin đã phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy xã hội loài người bước vào một xã hội, còn gọi là “xã hội thông tin”, mà mức độ cao hơn của nó là “thời đại dữ liệu lớn”. Xã hội thông tin và “thời đại dữ liệu lớn” ảnh hưởng và tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội từ chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, xóa nhòa khoảng cách về thời gian, rút ngắn khoảng cách trên dưới, cũng như mở rộng phạm vi giao lưu, tương tác của con người. “Thời đại dữ liệu lớn” là mức độ phát triển cao của xã hội thông tin. “Dữ liệu lớn” vừa có thuộc tính kỹ thuật, vừa có thuộc tính xã hội. Về thuộc tính kỹ thuật, “dữ liệu lớn” có nghĩa là, dung lượng thông tin lớn; thông tin và dữ liệu đa dạng; thông tin, dữ liệu được tạo ra và xử lý với tốc độ nhanh; sự đan xen giữa thông tin, dữ liệu hữu ích và dữ liệu, thông tin xấu, độc, ít có giá trị. Về thuộc tính xã hội, “dữ liệu lớn” có nghĩa là năng lực cốt lõi; là kết cấu hạ tầng quan trọng nhất trong xã hội hiện nay; là nguồn lực cốt lõi và là một thời đại.^[1] Xã hội thông tin và “thời đại dữ liệu lớn” làm cho môi trường lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trở nên phức tạp hơn, vừa ra thời cơ, vừa tạo ra không ít thách thức cho tổ chức và hoạt động của Đảng, thể hiện trên các mặt chủ yếu như: (i) ứng dụng công nghệ thông tin như thế nào để xây dựng tổ chức bộ máy của Đảng trở nên tinh gọn hơn; (ii) ứng dụng công nghệ thông tin vào tổ chức và hoạt động của Đảng như thế nào để tăng cường thực hiện dân chủ trong Đảng và dân chủ xã hội, cũng

¹ Nguyễn Trọng Bình (2018): “Sự ảnh hưởng của ‘thời đại dữ liệu lớn’ đối với quản trị của chính phủ”, trong sách “Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với quản trị nhà nước”, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật.

như dân chủ hóa hoạt động lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, nhất là trong chia sẻ thông tin, tiếp nhận thông tin trong nội bộ Đảng cũng như chia sẻ thông tin, tiếp nhận thông tin, ý kiến từ phía xã hội cho hoạt động hoạch định chính sách của Đảng; (iii) làm thế nào để giữ vững và mở rộng trận địa ý thức hệ, tư tưởng của Đảng trong bối cảnh toàn cầu hóa truyền thông đại chúng và sự phát triển mạnh mẽ của mạng internet và mạng xã hội hiện nay; (iv) làm thế nào để xây dựng hình ảnh của Đảng và đội ngũ cán bộ đảng viên trong bối cảnh xã hội thông tin phát triển mạnh mẽ như hiện nay; (v) làm thế nào để ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động để nâng cao năng lực đáp ứng (hay tăng cường tính đáp ứng) của tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ trước yêu cầu, nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân. Tóm lại, nội dung và nhiệm vụ xây dựng Đảng nhằm nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng cần đặt trong bối cảnh mới là sự phát triển mạnh mẽ của xã hội thông tin hiện nay.

Thứ tư, kinh tế tri thức và một “thời đại thay đổi” với vấn đề nâng cao năng lực học tập, đổi mới và sáng tạo của Đảng và đảng viên hiện nay. Học thuyết Mác-Lênin luôn nhấn mạnh việc đảm bảo tính tiên tiến, đi cùng và bắt kịp với thời đại của Đảng Cộng sản và đảng viên Đảng Cộng sản. Tuy nhiên, so với thời đại của các ông, bối cảnh lãnh đạo và cầm quyền của Đảng Cộng sản ngày nay xuất hiện nhiều nhân tố mới, điển hình là “kinh tế tri thức” và “thời đại thay đổi không ngừng” dưới sự tác động của toàn cầu hóa, dân chủ hóa, thông tin hóa và dân chủ hóa. Kinh tế tri thức là một khái niệm được OECD nêu lên trong báo cáo của mình vào năm 1996. Kinh tế

tri thức được hiểu là “kinh tế lấy tri thức làm cơ sở”, đồng thời dựa vào tri thức để tiến hành sản xuất và phân phối. Trong tác phẩm “*Xã hội hậu chủ nghĩa tư bản*”, Peter F. Drucker cho rằng “chúng ta đang bước vào một xã hội tri thức, xã hội tri thức là một xã hội lấy tri thức làm cốt lõi, nguồn lực trí tuệ đã trở thành nguồn lực quan trọng nhất của tổ chức, người có tri thức trở thành bộ phận chủ lưu trong xã hội”.^[1] Kinh tế tri thức không chỉ làm cho tri thức trở thành yếu tố cơ bản tạo nên sức mạnh và sức cạnh tranh của tổ chức, mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến môi trường hoạt động của tổ chức, nhất là sự thay đổi về cơ cấu ngành nghề và cơ cấu giai tầng xã hội theo hướng lao động có tri thức ngày càng tăng lên. Đối với Đảng Cộng sản cầm quyền cũng như các tổ chức khác, kinh tế tri thức đặt ra những yêu cầu mới đối về mục tiêu chiến lược, chức năng trọng tâm, hình thức tổ chức và phương thức lãnh đạo, trong đó, nổi bật là hai vấn đề cốt lõi: (i) đổi mới quản lý tri thức trong nội bộ tổ chức Đảng như thế nào để nâng cao trình độ trí tuệ của Đảng; (ii) đổi mới tổ chức và phương thức lãnh đạo của Đảng như thế nào để phát huy trí tuệ của xã hội vào hoạt động hoạch định cương lĩnh, đường lối của Đảng cũng như thúc đẩy năng lực phát triển tri thức của toàn xã hội. Có thể nói, xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo hướng làm thế nào để phát huy tốt dân chủ trong Đảng, xây dựng tổ chức Đảng theo mô hình tổ chức Đảng học tập là những vấn đề không thể không quan tâm hiện nay.

Cùng với kinh tế tri thức là một “thời đại thay đổi nhanh

¹ Peter F. Drucker (1994): *Post-capitalist society*, HarperBusiness, p.4

chóng” dưới sự tác động đan xen của nhiều nhân tố như thông tin hóa, toàn cầu hóa và dân chủ hóa. Xu thế và đặc trưng của sự thay đổi trong “thời đại thay đổi” chính là sự thay đổi, điều chỉnh về thể chế, thiết chế cũng như nhân mạnh sự thay đổi, đổi mới liên tục và không ngừng.^[1] “Thời đại thay đổi” đặt ra yêu cầu cao hơn đối với lãnh đạo và quản lý sự thay đổi. Đối với Đảng Cộng sản cầm quyền, “thời đại thay đổi” đặt ra yêu cầu cao hơn đối với chức năng “lãnh đạo sự thay đổi” của Đảng, đặt ra yêu cầu xây dựng Đảng cầm quyền theo mô hình Đảng cầm quyền đổi mới (đổi mới về tư duy, lý luận, đổi mới phương thức cầm quyền, đổi mới mô thức hành vi, đổi mới thể chế, đổi mới tác phong và lề lối làm việc...). Vì lẽ đó, làm thế nào để tăng cường năng lực đổi mới của Đảng, làm thế nào để xây dựng tổ chức Đảng theo mô hình tổ chức Đảng đổi mới, lấy đổi mới của tổ chức Đảng thúc đẩy đổi mới của hệ thống chính trị và đổi mới xã hội, làm thế nào để tăng cường năng lực lãnh đạo sự thay đổi của Đảng là những vấn đề đặt ra trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay.

Thứ năm, dân chủ hóa chính trị trên thế giới với vấn đề dân chủ hóa Đảng và Đảng lãnh đạo tiến trình dân chủ hóa ở Việt Nam. Một nhân tố khác thuộc về môi trường lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản mà thời kỳ C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin sống chưa thể hiện nổi bật, đó là xu thế dân chủ hóa chính trị mạnh mẽ trên thế giới gắn liền với “làn sóng dân

¹ Yang Da-hai (2004): Quản lý sự thay đổi, Nxb Đại học Nhân dân Trung Quốc, tr. 7-11.

chủ hóa lần thứ ba”. Theo quan điểm của Samuel Huntington, từ thế kỷ XIX đến nay, xã hội loài người đã trải qua ba làn sóng dân chủ hóa về chính trị. Theo đó làn sóng dân chủ hóa chính trị đầu tiên được bắt đầu sau Cách mạng tư sản Pháp và Mỹ, làn sóng dân chủ hóa thứ hai bắt đầu từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ Hai và làn sóng dân chủ hóa lần thứ ba bắt đầu từ thập niên 70 thế kỷ XX đến nay.^[1] Theo quan điểm của ông, làn sóng dân chủ hóa lần thứ nhất và lần thứ hai đều không làm cho giá trị dân chủ trở thành xu thế áp đảo trên toàn thế giới. Chỉ trong làn sóng dân chủ hóa thứ ba, điều này mới trở thành hiện thực. Chỉ trong vòng 14 năm từ 1974 đến 1990, đã có gần 30 quốc gia ở châu Á, châu Âu và châu Mỹ La tinh đã chuyển đổi một cách hòa bình từ chính thể thiếu dân chủ sang chính thể dân chủ. Bên cạnh đó, chỉ ít có 20 quốc gia thực hiện chính sách “mở” và công khai hóa, khởi động tiến trình cải cách theo hướng dân chủ hóa. Có thể nói, trong làn sóng dân chủ hóa chính trị lần thứ ba, dân chủ thật sự trở thành nhân tố quan trọng cho sự ổn định và tiến bộ của mỗi quốc gia, giá trị dân chủ trở thành giá trị quan trọng được thừa nhận rộng rãi. Bước vào thế kỷ XXI, làn sóng dân chủ hóa chính trị lần thứ ba tiếp tục phát triển với các đặc điểm nổi bật, với tư cách “quyền lực thứ tư”, báo chí ngày càng giữ vai trò quan trọng trong đời sống chính trị và phát huy dân chủ; vai trò của các tổ chức xã hội (hay khu vực thứ ba) trong quản trị quốc gia và trong thực hiện dân chủ ngày

¹ Samuel Huntington (1991): *The Third Wave: Democratization in the Late Twentieth Century*, University of Oklahoma Press.

càng tăng lên; dân chủ trực tiếp ngày càng được mở rộng; việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm phát huy dân chủ ngày càng được coi trọng. Cho dù, chủ nghĩa Mác-Lênin và Đảng ta trước sau như một đều nhấn mạnh việc “phải nắm lấy ngọn cờ dân chủ”, “dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất đặc trưng của chủ nghĩa xã hội” thì trong bối cảnh dân chủ hóa chính trị trên thế giới hiện nay và yêu cầu đẩy mạnh dân chủ hóa ở Việt Nam hiện nay thì chúng ta không thể không quan tâm đến một số vấn đề, như: làm thế nào để xây dựng Đảng theo hướng mở rộng dân chủ trong Đảng và dân chủ ngoài xã hội, làm cho dân chủ trong Đảng thật sự là tấm gương về dân chủ cho toàn xã hội, làm thế nào để phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền (Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền nhưng dân vẫn là chủ), làm thế nào để Đảng có đủ năng lực lãnh đạo tiến trình dân chủ hóa... là những vấn đề mới đặt ra trong việc bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin về xây dựng Đảng hiện nay.

Thứ năm, kinh tế thị trường và sự biến đổi của các lĩnh vực dưới sự tác động của kinh tế thị trường với vấn đề củng cố, mở rộng cơ sở xã hội của Đảng cũng như tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân. Trong di sản lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin những vấn đề về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cũng như lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản trong điều kiện xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường chưa được luận giải đầy đủ và sâu sắc. Kinh tế thị trường là mô hình kinh tế mà trong đó thị trường giữ vai trò quyết định trong việc huy động và phân bổ

các nguồn lực phát triển. Ưu điểm của kinh tế thị trường là làm cho việc phân bổ các nguồn lực phát triển trở nên hiệu quả hơn. Tuy nhiên, bất cứ nền kinh tế thị trường nào cũng có “sự thất bại của nó”. Cho dù mô hình kinh tế của chúng ta là mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thì trong mô hình kinh tế này, các quy luật của kinh tế thị trường cũng được phát huy đầy đủ. Cục diện mà kinh tế thị trường đem lại và tạo ra không chỉ thể hiện ở cơ cấu thành phần kinh tế, cơ cấu sở hữu; mà còn kéo theo sự thay đổi to lớn và sâu sắc về cơ cấu xã hội, địa vị kinh tế - xã hội của từng giai tầng, cơ cấu lợi ích xã hội, định hướng giá trị, đạo đức và lối sống của chính thể xã hội. Trong bối cảnh này, những vấn đề đặt ra đối với Đảng và xây dựng Đảng đó là: (i) làm thế nào để đảm bảo tốt quyền lực và lợi ích kinh tế của nhân dân lao động trong nền kinh tế thị trường; (ii) làm thế nào để hạn chế tối đa quan hệ “giá trị- tiền tệ” len lỏi, thâm nhập vào tổ chức Đảng và khu vực công, cũng như hạn chế tính thực dụng, vị kỷ và lối hành xử “tiền trao cháo múc” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên; (iii) làm thế nào để đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng thật sự “toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân”; (iv) làm thế nào để ngăn ngừa tình trạng “chủ nghĩa tư bản thân hữu”, tình trạng “lợi ích nhóm” trong lãnh đạo, cầm quyền của Đảng và hoạt động của Nhà nước; (v) kinh tế thị trường tất yếu dẫn đến sự phân hóa về mức sống, địa vị kinh tế - xã hội của các tầng lớp nhân dân, tất yếu dẫn đến sự đa dạng hóa về nhu cầu, lợi ích và định hướng giá trị của xã hội, cũng như kéo theo sự ra đời và phát triển của các tổ chức xã hội, hiệp hội ngành nghề. Vậy làm thế nào để tăng cường

tính đại diện của Đảng cũng như củng cố và mở rộng cơ sở xã hội của Đảng? Làm thế nào và thiết lập cơ chế như thế nào để Đảng có thể tương tác hiệu quả với các tổ chức xã hội, qua đó mở rộng sức ảnh hưởng của Đảng, cũng như củng cố địa vị cầm quyền của Đảng. Có thể nói, trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường, xây dựng Đảng cầm quyền theo mô hình Đảng đảng “mở” và *Đảng cầm quyền và tổ chức đảng phục vụ nhân dân* là những vấn đề cần được quan tâm trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng hiện nay.

Thứ sáu, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với vấn đề “pháp quyền hóa” hoạt động lãnh đạo và cầm quyền của Đảng hiện nay. Tuy vấn đề pháp quyền, pháp chế xã hội chủ nghĩa đã được chủ nghĩa Mác - Lênin đề cập ở mức độ nhất định trong hệ thống di sản lý luận của mình. Tuy nhiên, trong học thuyết Mác - Lênin về Đảng và xây dựng Đảng lại chưa đề cập đầy đủ, toàn diện và sâu sắc vấn đề xây dựng Đảng cũng như lãnh đạo và cầm quyền của Đảng trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền. Nội hàm cốt lõi của “pháp quyền” đó là:^[1] (i) xã hội có một khung khổ “pháp luật tốt”; (ii) sự độc lập của hệ thống tư pháp; (iii) mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, bất cứ người nào, bất cứ tổ chức nào đều chịu sự điều chỉnh của pháp luật; (iv) sự tự do, bình đẳng và quyền công dân đều được tôn trọng và bảo đảm một cách

¹ Nguyễn Trọng Bình (2018): Hành chính công và quản trị công - một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

đầy đủ; (v) pháp luật là chuẩn tắc cao nhất trong quản trị quốc gia, tất cả hoạt động của khu vực công đều phải theo pháp luật; (vi) sự tôn trọng và thừa nhận rộng rãi của mọi người đối với pháp luật. Pháp quyền nhấn mạnh hơn sự chế ước có hiệu quả của pháp luật đối với tổ chức công (bao gồm Đảng cầm quyền), nhấn mạnh việc dùng luật để “quản quyền lực”, “quản người” và “quản việc”. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay đặt ra yêu cầu mới đối với lý luận và thực tiễn về “pháp quyền hóa” hoạt động lãnh đạo, cầm quyền của Đảng theo nguyên tắc “lãnh đạo và cầm quyền theo pháp luật”. Vì vậy, một số vấn đề có liên quan không thể không quan tâm trong quá trình bổ sung, phát triển học thuyết Mác - Lênin về Đảng và xây dựng Đảng: (i) hình thành khung khổ pháp luật như thế nào để có luật chế ước, điều chỉnh hoạt động lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, tổ chức đảng và đảng viên; (ii) thông qua cơ chế nào để đảm bảo tổ chức Đảng và đảng viên hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật; (iii) làm thế nào để đảm bảo đội ngũ cán bộ của Đảng hoạt động trong khu vực công trung thành và nghiêm túc trong thực thi pháp luật và nếu vi phạm pháp luật thì “phải bị truy cứu và xử lý nghiêm minh theo pháp luật” với phương châm “không có ngoại lệ”, “không có vùng cấm”.

Tóm lại, các nhân tố, quá trình thuộc về môi trường bên ngoài và bên trong tác động đan xen làm cho môi trường lãnh đạo, cầm quyền của Đảng có nhiều thay đổi theo hướng phức tạp hơn, đặt ra nhiều yêu cầu mới cao hơn đối với lãnh đạo và cầm quyền của Đảng, cũng như đặt ra yêu cầu cao hơn đối với

công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

4. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, NĂNG LỰC CẢM QUYỀN CỦA ĐẢNG TRONG ĐIỀU KIỆN MỚI

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra 10 nhiệm vụ, giải pháp nhằm tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cảm quyền của Đảng. Mười nhiệm vụ, giải pháp này gồm: (i) tăng cường xây dựng Đảng về chính trị; (ii) coi trọng xây dựng Đảng về tư tưởng; (iii) tập trung xây dựng Đảng về đạo đức; (iv) Đẩy mạnh xây dựng Đảng về tổ chức; tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; (v) Củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên; (vi) tăng cường xây dựng Đảng về cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu; (vii) tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; (viii) thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; (ix) Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; (x) Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới.

Từ góc độ nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cảm quyền của Đảng cũng như từ một số vấn đề đặt ra ở trên có thể nêu một số vấn đề cần quan tâm nhằm tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cảm quyền của Đảng, như sau:

Thứ nhất, nắm vững những yêu cầu căn cốt nhất đối với Đảng cảm quyền. Là hạt nhân chính trị của hệ thống chính trị

và giữ vai trò lãnh đạo, cầm quyền, yêu cầu cốt lõi đối với Đảng cầm quyền đó là: (1) xác định được tầm nhìn, hoạch định được đường lối đúng đắn; (2) lãnh đạo để xây dựng được một Nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân, làm cho Nhà nước thực sự là thiết chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân; (3) xây dựng được đội ngũ cán bộ cầm quyền có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn - nghiệp vụ cao, có kỹ năng lãnh đạo và quản lý để làm cho đường lối đó thành hiện thực ở cơ sở.¹

Thứ hai, tiếp tục nâng cao năng lực hoạch định đường lối của Đảng. Năng lực hoạch định đường lối là một trong những yêu cầu căn cốt của Đảng cầm quyền, thể hiện tập trung tầm trí tuệ và năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng. Năng lực hoạch định đường lối của Đảng phụ thuộc vào nhiều yếu tố, như năng lực và trình độ của Đảng, nhất là tập thể lãnh đạo; năng lực và trình độ của các cơ quan tham mưu; thể chế hoạch định, xây dựng đường lối của Đảng; mức độ và hiệu quả tham gia của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và hệ thống các tổ chức tư vấn chính sách (think tank). Để góp phần nâng cao năng lực hoạch định đường lối của Đảng, cần quan tâm, giải quyết nhiều vấn đề, trong đó cần quan tâm một số giải pháp mang tính đột phá sau: (i) xây dựng, hoàn thiện cơ chế để phát huy vai trò tham gia của nhân dân trong quá trình xây dựng, hoạch định đường lối của Đảng; (ii) hoàn

¹ Phạm Ngọc Quang: *Cơ sở đánh giá năng lực của Đảng Cộng sản cầm quyền*, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 6/3/2014.

thiện thể chế và nâng cao năng lực thực thi thể chế nhằm nâng cao hiệu quả phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội; (iii) có nghị quyết hay chủ trương cụ thể về xây dựng, phát triển và phát huy vai trò của các tổ chức tư vấn (think tank) trong tham gia tư vấn chủ trương, chính sách của Đảng cũng như chính sách của Nhà nước. Hệ thống các tổ chức tư vấn chính sách (think tank) có các chức năng, như góp phần xác định đúng vấn đề chính sách; thể hiện, phản ánh nhu cầu của xã hội và các tầng lớp nhân dân; tìm kiếm được phương án chính sách phù hợp; loại bỏ được hiện tượng “lợi ích nhóm”, tham nhũng chính sách, từ đó đề ra được chủ trương, chính sách có tính đổi mới.^[1] Trong thực tiễn, các tổ chức tư vấn có các vai trò: thúc đẩy đổi mới lý luận; nêu sáng kiến chính sách; cung cấp và tư vấn phương án chính sách; giám định và phản biện phương án chính sách; giám sát và đánh giá chính sách; truyền thông chính trị và định hướng dư luận xã hội; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý và cung cấp nhân tài. Từ vai trò này và xuất phát từ sự chưa thực sự phát triển của các tổ chức tư vấn hiện nay, Đảng cần có nghị quyết hay chủ trương cụ thể về phát triển các loại think tank, tập trung bồi dưỡng năng lực của các think tank cũng như có cơ chế phù hợp nhằm phát huy đầy đủ chức năng, vai trò của think tank trong quá trình hoạch định chủ trương, đường lối.

Thứ ba, tăng cường xây dựng Đảng về tư tưởng nhằm

¹ Nguyễn Trọng Bình (2021), Quản trị quốc gia hiện đại: đặc trưng và yêu cầu về thể chế, Những vấn đề lý luận (phục vụ lãnh đạo), số 4.

góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng và ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Xây dựng Đảng về tư tưởng không chỉ liên quan trực tiếp đến năng lực hoạch định đường lối của Đảng, mà còn liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, cũng như củng cố và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh mới hiện nay. Vì vậy, cần tiếp tục coi xây dựng Đảng về tư tưởng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng và ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ thông qua các giải pháp đột phá:

Một là, tiếp nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của công tác tư tưởng của Đảng, coi công tác tư tưởng, lý luận là công tác quan trọng nhất của Đảng, ngăn ngừa khuynh hướng coi nhẹ công tác tư tưởng, lý luận của Đảng.

Hai là, coi trọng hơn nữa và tập trung phát triển lý luận thông qua các biện pháp chủ yếu, như: (i) coi trọng tự do tư tưởng và sự đa dạng trong nghiên cứu lý luận với phương châm: “tôn trọng sự khác biệt, bao dung sự đa dạng, hình thành sự đồng thuận về tư tưởng của xã hội ở mức tối đa”; coi trọng việc nghiên cứu một số lý thuyết, học thuyết khác – ngoài chủ nghĩa Mác-Lênin trên quan điểm khách quan, biện chứng; đồng thời tiếp thu có chọn những hạt nhân hợp lý trong các tư tưởng, lý thuyết tiến bộ; (ii) phân biệt đúng đắn giữa vấn đề học thuật và vấn đề chính trị. Trong lĩnh vực học thuật, *một mặt* cần phát

huy dân chủ, tôn trọng tự do học thuật, khắc phục tình trạng chính trị hóa vấn đề học thuật, ngăn ngừa tình trạng “chụp mũ”, “quy chụp”... nhằm góp phần tăng cường sức sống của lý luận; *mặt khác*, cần phải cảnh giác và đấu tranh với việc lấy danh nghĩa “học thuật” để phản đối các nguyên tắc cơ bản, như kiên định con đường chủ nghĩa xã hội, kiên định sự lãnh đạo của Đảng, kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân; (iii) tập trung xây dựng và phát triển các cơ quan nghiên cứu lý luận của Đảng ngang tầm nhiệm vụ; có biện pháp cụ thể nhằm phát hiện và trọng dụng nhân tài trong lĩnh vực nghiên cứu lý luận.

Ba là, nâng cao hiệu quả việc học tập, quán triệt Nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng và xây dựng quy định chế độ học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức bắt buộc cho tất cả các bộ, công chức trong hệ thống chính trị. Cụ thể là: (i) đổi mới phương thức học tập, quán triệt Nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng theo hướng đa dạng hóa về hình thức và phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong công tác này. Theo đó, ngoài việc tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng theo hướng tập trung như hiện nay, cần có quy định về tổ chức học tập, thảo luận Nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng trong từng cấp ủy, tổ chức đảng các cấp (bao gồm Chi bộ) nhằm phát huy tính chủ động của tổ chức đảng, cấp ủy và cán bộ, đảng viên trong công tác này; (ii) tăng cường kiểm tra, giám sát việc cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng thành chương trình, kế hoạch hành động của cụ thể của cấp ủy và tổ

chức Đảng ở các cấp và các tổ chức trong hệ thống chính trị; (iii) có cơ chế nhằm kiểm tra, sát hạch và đánh giá mức độ nắm vững chủ trương, nghị quyết của Đảng của đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp; (iv) ban hành quy định về chế độ học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức bắt buộc đối với từng loại cán bộ (kể cả Ủy viên Bộ Chính trị), công chức theo hướng tất cả cán bộ, công chức, viên chức đều phải được học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức với tổng thời gian cụ thể trong từng năm; đồng thời, lấy việc tham gia học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức là một trong các tiêu chí trong đánh giá cán bộ, công chức và xếp loại cán bộ, công chức. Việc thiết kế nội dung học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cần được xác định thành hai loại bắt buộc và tự chọn.

Bốn là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực báo chí truyền thông, coi trọng đúng mức việc củng cố, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng internet cũng như mạng xã hội. Cụ thể là: (i) nhận thức đúng đắn, đầy đủ vai trò của truyền thông báo chí, mạng xã hội trong lĩnh vực tư tưởng của Đảng để coi trọng đúng mức việc lãnh đạo và quản trị đối với những lĩnh vực này; (ii) thông qua chế độ trách nhiệm của cán bộ đảng viên, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong các cơ quan báo chí để đảm bảo truyền thông báo chí trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trung thành với Đảng và nhân dân trong quá trình hoạt động; coi trọng đúng mức việc xây dựng hệ thống các cơ quan báo chí của Đảng, làm cho hệ thống báo chí của Đảng trở thành con đường quan trọng để bảo vệ và củng cố nền tảng tư tưởng

của Đảng trong tình hình mới; (iii) sự phát triển của mạng internet, mạng xã hội và các phương tiện truyền thông mới ảnh hưởng phức tạp đối với việc bảo vệ, củng cố nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới. Vì vậy, cần nhận thức được tính “hai mặt” của mạng internet, nhất là mạng xã hội, để *một mặt*, phát huy ưu thế của mạng internet trong tuyên truyền, củng cố nền tảng tư tưởng của Đảng, tìm kiếm nhiều hình thức và con đường mới để tuyên truyền, mở rộng nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng internet; *mặt khác*, cần hoàn thiện thể chế pháp luật, tăng cường quản lý và cơ sở vật chất để đảm bảo internet, mạng xã hội phát triển lành mạnh và đúng hướng.

Thứ tư, tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức nhằm góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng và ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tiếp tục tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức nhằm làm cho Đảng “vừa là đạo đức, vừa là văn minh” theo di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh; đồng thời ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả sự suy thoái về đạo đức lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên hiện nay là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, cần được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay. Để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trọng tâm này, cần coi trọng một số giải pháp mang tính đột phá, đó là: (i) khẩn trương xây dựng được hệ chuẩn đạo đức cách mạng theo tinh thần “Đảng ta là đạo đức, là văn minh” cho phù hợp với điều kiện mới và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, cũng như xây dựng các chuẩn mực đạo đức làm cơ sở cho cán

bộ, đảng viên tự điều chỉnh hành vi ứng xử trong thực thi công vụ cũng như trong đời sống hằng ngày; (ii) có chủ trương cụ thể về xây dựng, kiện toàn hệ thống thiết chế thực hiện chức năng tư vấn, giáo dục, bồi dưỡng về đạo đức công vụ hiện nay, nhất là coi trọng đúng mức việc đào tạo, bồi dưỡng về đạo đức công vụ trong các cơ quan thực hiện chức năng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hiện nay; (iii) xác định được cơ quan Đảng và chính quyền chịu trách nhiệm chủ yếu trong hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc xây dựng đạo đức trong Đảng, đạo đức công vụ trong các cơ quan nhà nước cũng như hệ thống chính trị; (iii) phát huy sức mạnh tổng hợp các thiết chế trong hệ thống chính trị và xã hội trong giám sát việc thực hiện trách nhiệm nêu gương của đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược, đồng thời xử lý nghiêm minh đối với cán bộ vi phạm quy định về trách nhiệm nêu gương; lấy mức độ thực hiện quy định về trách nhiệm nêu gương làm một trong các tiêu chí trong đánh giá và sử dụng cán bộ; (iv) coi trọng đúng mức việc cổ vũ, biểu dương và tôn vinh các gương sáng về đạo đức trong đội ngũ cán bộ, đảng viên; tổ chức để cán bộ, đảng viên tìm hiểu, học tập các tấm gương sáng về đạo đức trong cán bộ, đảng viên; (v) sớm xây dựng quy định về phòng ngừa xung đột lợi ích trong thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược.

Thứ năm, tăng cường xây dựng Đảng về tổ chức và cán bộ nhằm góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng và ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong

nội bộ. Cùng với cơ chế vận hành, tổ chức bộ máy và cán bộ là những yếu tố quyết định đến năng lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của Đảng cũng như năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Chính vì vậy, cần tiếp tục coi xây dựng Đảng về tổ chức và cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ Đại hội XIII.

Việc tiếp tục xây dựng Đảng về tổ chức bộ máy, nhất là việc đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, cần coi trọng một số vấn đề, như: (i) khẩn trương hoàn thiện mô hình tổ chức của hệ thống chính trị ở các cấp khác nhau nhằm tạo cơ sở chính trị cho việc đẩy mạnh xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị phù hợp, tinh gọn trong tình hình mới; (ii) trao quyền tự chủ cho địa phương trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên nguyên tắc kết hợp giữa phổ biến và đặc thù; (iii) sớm sơ kết, tổng kết những mô hình thí điểm và nhân rộng những mô hình mới có hiệu quả nhằm củng cố những kết quả đã đạt được trong thời gian qua về đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Cán bộ và công tác cán bộ liên quan trực tiếp đến việc xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, cũng là yếu tố then chốt của công tác xây dựng Đảng và nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng hiện nay. Vì vậy, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây

dựng Đảng nhiệm kỳ Đại hội XIII. Việc xây dựng Đảng về cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược và người đứng đầu hiện nay cần quan tâm một số vấn đề chủ yếu, như: (i) bổ sung tiêu chuẩn cán bộ cho phù hợp với tình hình mới trên cơ sở tổng kết về tiêu chuẩn cán bộ được đề cập trong Quy định số 08 về trách nhiệm nêu gương của đội ngũ cán bộ cũng như một số tiêu chuẩn về cán bộ được nhấn mạnh trong văn kiện Đại hội lần thứ XIII; (ii) mở rộng hơn nữa việc thi tuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp vụ, sở, phòng trong hệ thống chính trị; (iv) có hướng dẫn cụ thể và chỉ đạo quyết liệt để thực hiện thí điểm việc người đứng đầu lựa chọn, giới thiệu với cấp có thẩm quyền để bầu cử, bổ nhiệm cấp phó của mình cũng như người đứng đầu bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với cấp trưởng cấp dưới trực tiếp; (v) coi trọng việc xây dựng tư cách, tác phong và hình ảnh cán bộ trong bối cảnh xã hội thông tin hiện nay; (vi) sớm ban hành “cơ chế khuyến khích và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hành động vì lợi ích chung” theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII; (vii) sớm xây dựng, hoàn thiện cơ chế để nhân dân tham gia giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động, phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Thứ sáu, củng cố, mở rộng cơ sở xã hội của Đảng và phát huy mạnh mẽ vai trò của nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Mở rộng, củng cố cơ sở xã hội của Đảng là một vấn đề mang tính quy luật nhằm tăng cường nguồn lực cầm quyền của Đảng cũng

như củng cố, nâng cao địa vị, vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Để mở rộng, củng cố cơ sở xã hội của Đảng trong bối cảnh mới, ngoài việc không ngừng đổi mới và phát triển lý luận; thực hiện tốt phương châm “nhân dân là trung tâm”; coi trọng phát triển đảng viên trong các tầng lớp dân cư khác nhau, cần quan tâm đúng mức hơn một số giải pháp sau: (i) lãnh đạo việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, nhất là tăng cường vai trò xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Đảng với tư cách là một thành viên của Mặt trận để Đảng kết nối, tương tác với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp...; (ii) Đảng cần sớm có chủ trương, nghị quyết về phát triển một cách lành mạnh các tổ chức xã hội trong bối cảnh mới, nhất là ở cơ sở; đồng thời tổ chức Đảng và cấp ủy Đảng các cấp cần coi trọng việc kết nối, tương tác, đối thoại với các tổ chức xã hội; (iii) Lãnh đạo Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Đảng đoàn Quốc hội sớm ban hành Luật về hội nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại hiện nay.

Trên cơ sở quan điểm “nhân dân là trung tâm”, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII nhấn mạnh việc “dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng” cũng như chủ trương “nghiên cứu, ban hành cơ chế để nhân dân tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh trong tình hình mới. Vì vậy, việc xây dựng cơ chế để nhân dân tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh trong tình hình mới cần

được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội XIII. Việc xây dựng, hoàn thiện cơ chế để nhân dân tham gia xây dựng Đảng, cần được thực hiện theo hướng: (i) tổng kết thực tiễn, nghiên cứu để xác định rõ hình thức, phương thức nhân dân tham gia xây dựng Đảng về chính trị, nhất là tham gia vào quá trình hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng; (ii) hình thức, phương thức để nhân dân tham gia xây dựng Đảng về tư tưởng, nhất là tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; (iii) hình thức, phương thức để nhân dân tham gia xây dựng Đảng về đạo đức, nhất là giám sát việc thực hiện trách nhiệm nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên; (iv) hình thức, phương thức để nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện chức trách nhiệm vụ của tổ chức đảng, cán bộ và đảng viên; (v) hình thức, phương thức để nhân dân tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng; (vi) hình thức, phương thức, phạm vi để nhân dân tham gia xây dựng Đảng về cán bộ và công tác cán bộ của Đảng, nhất là hình thức, phương thức nhân dân giám sát tất cả các khâu trong công tác cán bộ, đặc biệt là đánh giá cán bộ, quy hoạch cán bộ, sử dụng cán bộ, luân chuyển cán bộ; (v) cơ chế nhân dân đánh giá hiệu quả hoạt động, phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên, cũng như hình thức, phương thức lấy ý kiến về mức độ hài lòng, tín nhiệm của nhân dân đối với cán bộ.

Thứ bảy, tăng cường nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm xây dựng năng lực cầm quyền của một số đảng cầm quyền trên thế giới. Trong Bài viết quan trọng mới đây nhất “

Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” GS, TS. Nguyễn Phú Trọng – Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã viết: “Đảng lãnh đạo và cầm quyền, trong khi xác định phương hướng chính trị và đề ra quyết sách, không thể chỉ xuất phát từ thực tiễn của đất nước và dân tộc mình, mà còn phải nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm từ thực tiễn của thế giới và thời đại. Trong thế giới toàn cầu hóa như hiện nay, sự phát triển của mỗi quốc gia dân tộc không thể biệt lập, đứng bên ngoài những tác động của thế giới và thời đại, của thời cuộc và cục diện của nó”.

Tuy mục tiêu, mục đích cầm quyền của Đảng ta khác về bản chất so với mục tiêu, mục đích cầm quyền của đảng cầm quyền ở các nước, đặc biệt các nước tư bản, song những kinh nghiệm về xây dựng đảng cầm quyền ở các nước đó cũng có giá trị tham khảo thiết thực đối với việc xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền, góp phần tăng cường nguồn lực cầm quyền của Đảng hiện nay.

6. Tài liệu học tập:

Tài liệu bắt buộc

Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, tập 2 (phần Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương về tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

1. Lâm Quốc Tuấn (2015), *Nâng cao năng lực cầm quyền*

của Đảng, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 7.

2. Lê Hữu Nghĩa (2021), Đảng lãnh đạo phát huy dân chủ trong nghiên cứu lý luận chính trị, Tạp chí Lý luận chính trị điện tử, ngày 3 tháng 6 năm 2021.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 9/10/2014 của Bộ Chính trị về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I, tập 2. Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 2021, tr.90-91.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam (1992), Nghị quyết 01-NQ/TW, ngày 28/3/1992 của Bộ Chính trị (khóa VII) về “Công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay”.

6. Lâm Quốc Tuấn, Nguyễn Trọng Bình (2019), “Xây dựng Đảng cầm quyền – kinh nghiệm của một số nước tư bản”, Tạp chí Thông tin Khoa học lý luận chính trị, số 12 (61).

7. Lâm Quốc Tuấn, Nguyễn Trọng Bình (2020), “Bối cảnh và những yêu cầu mới bổ sung, phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về Đảng và xây dựng Đảng”, Tạp chí Lý luận chính trị, số 1.

8. Lâm Quốc Tuấn, Nguyễn Trọng Bình (2019), “Xây dựng Đảng cầm quyền – kinh nghiệm của một số nước tư bản”, Tạp chí Thông tin Khoa học lý luận chính trị, số 12 (61).

9. John Cotter (1997): The New Rules, Free Press.

10. Nguyễn Trọng Bình (2018): “Sự ảnh hưởng của ‘thời đại dữ liệu lớn’ đối với quản trị của chính phủ”, trong sách “Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với quản trị nhà

nước”, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật.

11. Peter F. Drucker (1994): Post-capitalist society, HarperBusiness, p.4

12. Yang Da-hai (2004): Quản lý sự thay đổi, Nxb Đại học Nhân dân Trung Quốc.

13. Samuel Huntington (1991): The Third Wave: Democratization in the Late Twentieth Century, University of Oklahoma Press.

14. Nguyễn Trọng Bình (2018): Hành chính công và quản trị công - một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

15. Phạm Ngọc Quang: Cơ sở đánh giá năng lực của Đảng Cộng sản cầm quyền, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 6/3/2014.

16. Nguyễn Trọng Bình (2021), Quản trị quốc gia hiện đại: đặc trưng và yêu cầu về thể chế, Những vấn đề lý luận (phục vụ lãnh đạo), số 4.

7. Câu hỏi thảo luận

1. Phân tích đặc điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền và những nhân tố ảnh hưởng đến năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng hiện nay.

2. Phân tích nhiệm vụ và giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng trong giai đoạn mới.